

## CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP VÀ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CẠNH TRANH

ĐẶNG CÔNG TRÁNG

Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh  
dangcongtrang1962@gmail.com

**Tóm tắt:** Bài viết khảo sát mối quan hệ giữa chính sách công nghiệp và chính sách, pháp luật cạnh tranh; đưa ra một số đánh giá về tác động và hiệu quả thực thi các quy định của Luật Cạnh tranh năm 2018 (sẽ có hiệu lực từ 1/7/2019) từ góc độ tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp.

### INDUSTRIAL POLICIES AND COMPETITION POLICIES AND LAWS

**Abstract:** The paper explores the relationship between industrial policy and competition policies and laws; give some assessments on the impact and effectiveness of implementation of the Competition Law of 2018 (which will take effect from July 1, 2019) from the perspective of creating a favorable investment and business environment for industry development.

#### 1 DẪN NHẬP

Chính sách về kinh tế của Việt Nam bao gồm ba trụ cột gồm chính sách công nghiệp, chính sách cạnh tranh và chính sách thương mại. Các chính sách này nhằm đảm bảo tính hiệu quả của nền kinh tế; đồng thời cũng chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các yếu tố kinh tế - chính trị - xã hội như biến động kinh tế quốc gia, biến động kinh tế thế giới, xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế, thương mại quốc tế...

Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 23-NQ/TW). Mục tiêu tổng quát được Nghị quyết xác định là: Đến năm 2030, Việt Nam hoàn thành mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu khu vực ASEAN về công nghiệp, trong đó một số ngành công nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Tầm nhìn đến năm 2045, Việt Nam trở thành nước công nghiệp phát triển hiện đại.

Trước đó, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) đã thông qua Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế (Nghị quyết số 05-NQ/TW). Triển khai thực hiện Nghị quyết này, Chính phủ đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW và Nghị quyết số 24/2016/QH14 ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội khóa 14 về cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của kinh tế giai đoạn 2016-2020 (Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 21/2/2017), trong đó Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao thực hiện nhiệm vụ xây dựng “Đề án tổng thể về chính sách cạnh tranh quốc gia” trình Thủ tướng Chính phủ. Đề án này tiếp cận chính sách cạnh tranh một cách tổng thể, bao gồm các chính sách, pháp luật về kiểm soát độc quyền, chống cạnh tranh không lành mạnh và các chính sách phát triển thị trường, trong đó có quy định pháp luật về gia nhập thị trường và kinh doanh nói chung và các hành động can thiệp của nhà nước nhằm giúp các doanh nghiệp cạnh tranh trên một sân chơi bình đẳng. Theo đó, chính sách cạnh tranh tổng thể không chỉ là Luật Cạnh tranh và thực thi pháp luật cạnh tranh mà còn các luật pháp và chính sách khác về mở rộng, phát triển và tự do hóa thị trường làm cho tất cả các loại thị trường ngày càng cạnh tranh hơn, năng động và hiệu quả hơn.

Ngày 12/6/2018, tại Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khoá XIV, Luật Cạnh tranh (sửa đổi) năm 2018 (Luật Cạnh tranh năm 2018) đã được Quốc hội biểu quyết thông qua và sẽ có hiệu lực từ 01/7/2019. Luật Cạnh tranh năm 2018 gồm 10 chương, 118 điều, quy định về hành vi hạn chế cạnh tranh, tập trung kinh tế gây

tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh đến thị trường Việt Nam; hành vi cạnh tranh không lành mạnh; tổ tụng cạnh tranh; xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh; quản lý nhà nước về cạnh tranh. Luật Cạnh tranh năm 2018 được xây dựng trên nguyên tắc kết hợp tư duy kinh tế và tư duy pháp lý trong kiểm soát các hành vi thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, lạm dụng vị trí thống lĩnh, độc quyền trên thị trường, tập trung kinh tế, theo đó, kiểm soát dựa trên đánh giá tác động cạnh tranh của hành vi thay vì “cấm mặc nhiên” dựa trên ngưỡng thị phần.

Trong bối cảnh trên, việc khảo sát quan hệ giữa chính sách công nghiệp và chính sách cạnh tranh, pháp luật cạnh tranh; đánh giá về tác động và hiệu quả thực thi các quy định của Luật Cạnh tranh năm 2018 từ góc độ tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp là cần thiết và cấp bách.

## 2 QUAN HỆ GIỮA CHÍNH SÁCH CÔNG NGHIỆP VÀ CHÍNH SÁCH CẠNH TRANH, PHÁP LUẬT CẠNH TRANH

Để thực hiện được mục tiêu đề ra, Nghị quyết số 23-NQ/TW đã nêu lên định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia, gồm: chính sách phân bố không gian và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp; chính sách phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên; **chính sách tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp**; chính sách phát triển doanh nghiệp công nghiệp; chính sách phát triển nguồn nhân lực công nghiệp; chính sách khoa học và công nghệ cho phát triển công nghiệp; chính sách khai thác tài nguyên, khoáng sản và chính sách bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển công nghiệp; nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và triển khai thực hiện chính sách phát triển công nghiệp quốc gia.

Chính sách công nghiệp quốc gia là một bộ phận hữu cơ của chiến lược, chính sách phát triển đất nước, gắn liền với chính sách phát triển các ngành kinh tế khác, đặc biệt là chính sách thương mại quốc gia, tài chính - tiền tệ, khoa học, công nghệ, đào tạo, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Chính sách công nghiệp trước hết được hiểu là sự can thiệp trực tiếp hay gián tiếp của Chính phủ hướng vào những ngành nhất định để đạt được những ngành nhất định để đạt được mục tiêu cụ thể. Chính sách công nghiệp thường được thể hiện thông qua việc chọn ngành ưu tiên, chính sách tài chính và tín dụng (thuê, trợ cấp, đầu tư trực tiếp của Nhà nước, tín dụng ưu đãi) đối với ngành, chính sách phát triển nguồn nhân lực của ngành, chính sách tăng tỷ lệ nội địa hoá các sản phẩm của ngành, chính sách đầu tư nước ngoài vào các ngành, chính sách kinh tế đối với các ngành, chính sách đối với các khu vực chế xuất và khu công nghiệp tập trung.

Chính sách công nghiệp Việt Nam hiện nay bao gồm 3 nhóm chính sách lớn: **Nhóm chính sách về môi trường kinh doanh** (sở hữu và cổ phần hóa, phân cấp doanh nghiệp, cạnh tranh, điều tiết hoạt động, thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa...); Nhóm chính sách về phát triển năng lực phổ quát (giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, phát triển doanh nhân, mua sắm chính phủ, hỗ trợ tái cấu trúc doanh nghiệp); và Nhóm chính sách phát triển công nghiệp theo ngành, tác động trực tiếp vào một số ngành công nghiệp mục tiêu, ưu đãi về đầu tư, tín dụng, chính sách thương mại bảo hộ ngành mục tiêu, quy định tỷ lệ nội địa hóa.

Chính sách cạnh tranh được hiểu là tất cả những biện pháp của nhà nước để bảo vệ và thúc đẩy cạnh tranh, để cạnh tranh được tồn tại như một công cụ điều tiết của kinh tế thị trường. Chính sách cạnh tranh là tập hợp các chính sách, pháp luật về kiểm soát độc quyền, chống cạnh tranh không lành mạnh và các chính sách phát triển thị trường, trong đó có quy định pháp luật về gia nhập thị trường và kinh doanh nói chung, và các hành động can thiệp của nhà nước nhằm giúp các doanh nghiệp cạnh tranh trên một sân chơi bình đẳng. Trong một nền kinh tế thị trường, chính sách cạnh tranh quốc gia gồm hai khối luật pháp, chính sách: (i) Luật Cạnh tranh và thực thi pháp luật cạnh tranh, và (ii) pháp luật, chính sách mở rộng và nâng cao (nâng cấp) mức độ cạnh tranh trên các loại thị trường, tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng. Mục tiêu của chính sách cạnh tranh là thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng giữa các chủ thể của nền kinh tế nhằm đạt được mục tiêu nâng cao hiệu quả và năng suất trong các loại thị trường. Trên cơ sở đó, chính sách cạnh tranh hướng tới mục tiêu cuối cùng là tăng năng suất và hiệu quả kinh tế.

Như vậy, có thể thấy giữa hai trụ cột của chính sách kinh tế có mối quan hệ mật thiết: trong chính sách công nghiệp có chính sách tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi (trọng tâm là cho phát

triển công nghiệp); chính sách cạnh tranh cũng hướng tới tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi (nhưng là cho các doanh nghiệp nói chung từ góc độ bình đẳng, cạnh tranh). Tuy nhiên, do chính sách công nghiệp và chính sách cạnh tranh quốc gia do các cơ quan chủ trì soạn thảo khác nhau nên hiện tại chưa có sự liên thông, gắn kết chặt chẽ. Chính sách công nghiệp có thể đưa ra những ưu tiên, ưu đãi cho những ngành nhất định nhưng những ưu tiên, ưu đãi như vậy có thể tạo ra sự không bình đẳng từ góc độ chính sách cạnh tranh. Thậm chí, trong pháp luật cạnh tranh - sự thể chế hóa một cách cụ thể nhất chính sách cạnh tranh - có thể có những quy định làm ảnh hưởng đến thực thi chính sách công nghiệp.

### **3 ĐÁNH GIÁ VỀ TÁC ĐỘNG VÀ HIỆU QUẢ THỰC THI CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT CẠNH TRANH NĂM 2018 TỪ GÓC ĐỘ TẠO LẬP MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH THUẬN LỢI CHO PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP**

Tầm quan trọng của Luật Cạnh tranh trong đời sống kinh tế được thể hiện qua cách so sánh của các nhà khoa học: Luật Cạnh tranh được coi là trụ cột trong hệ thống pháp luật kinh tế công, là Hiến pháp của kinh tế thị trường.

Nhìn chung, với Luật Cạnh tranh năm 2018 khung chính sách cạnh tranh toàn diện nhằm mở cửa thị trường cho doanh nghiệp gia nhập và cạnh tranh, hiệu lực thực thi chính sách cạnh tranh sẽ được tăng cường, qua đó nâng cao tính ổn định của môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư, góp phần cho nền kinh tế tăng trưởng bền vững. Luật Cạnh tranh năm 2018 sẽ góp phần bảo đảm môi trường cạnh tranh hữu hiệu, giảm thiểu các rào cản chính đối với cạnh tranh (về kỹ thuật, tài chính và pháp lý), qua đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của toàn bộ nền kinh tế, giảm thiểu các hình thức và hành vi hạn chế cạnh tranh trong cả khu vực tư nhân và khu vực công; tạo cơ hội thúc đẩy sáng tạo, đổi mới và tăng trưởng, đồng thời tạo sự ổn định và công bằng cho môi trường kinh doanh và môi trường đầu tư.

Luật Cạnh tranh năm 2018 bao gồm những chế định pháp luật hướng đến tạo lập, duy trì, thúc đẩy và tăng cường cạnh tranh trên thị trường thông qua việc điều chỉnh và xử lý đối với các hành vi phản cạnh tranh của doanh nghiệp. Luật Cạnh tranh năm 2018 quy định cấm đối với các hành vi (i) thỏa thuận hạn chế cạnh tranh; (ii) lạm dụng vị trí thống lĩnh thị trường, vị trí độc quyền; (iii) tập trung kinh tế có tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh và các hành vi phản cạnh tranh khác. Vì nhóm hành vi hạn chế cạnh tranh không có liên quan nhiều, bởi phát triển công nghiệp sẽ cần những doanh nghiệp có quy mô lớn mà trong nhiều trường hợp có thể được hình thành qua tập trung kinh tế, trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ tập trung đánh giá về tác động và hiệu quả thực thi các quy định về kiểm soát tập trung kinh tế của Luật Cạnh tranh năm 2018 từ góc độ tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp.

Với mục tiêu khắc phục những hạn chế của Luật Cạnh tranh năm 2004, nhìn chung Luật Cạnh tranh năm 2018 đã thay đổi cách thức tiếp cận kiểm soát tập trung kinh tế theo hướng trao quyền cho cơ quan cạnh tranh trong việc đánh giá tác động cạnh tranh của việc tập trung kinh tế và tăng cường sự chủ động của doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục thông báo với cơ quan cạnh tranh bên cạnh việc bổ sung các yếu tố đánh giá một vụ việc tập trung kinh tế.

Khái niệm mua lại doanh nghiệp quy định tại Khoản 4 Điều 29 Luật Cạnh tranh năm 2018 chưa thực sự minh bạch (chưa làm rõ thế nào là đủ để kiểm soát, chi phối doanh nghiệp hoặc một ngành nghề của doanh nghiệp bị mua lại) và chắc chắn cần được quy định chi tiết nhưng không có điều khoản giao Chính phủ quy định chi tiết về hoạt động mua lại.

Điều 1 Khoản 1 Điều 29 Luật Cạnh tranh năm 2018 liệt kê các hình thức tập trung kinh tế có điều khoản quét quy định về các hành vi khác theo quy định của pháp luật nhưng pháp luật hiện tại chưa có quy định nên điều khoản quét này không có tính khả thi.

Điều 30 Luật Cạnh tranh năm 2018 lược bỏ quy định về cấm tập trung kinh tế khi thị phần kết hợp của các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế từ 50% trở lên trên thị trường liên quan (đồng thời bãi bỏ luôn quy định về trường hợp miễn trừ cấm tập trung kinh tế) trong Luật Cạnh tranh năm 2004; thay vào đó, chỉ quy định cấm các hành vi tập trung kinh tế “gây tác động hoặc có khả năng gây tác động hạn chế cạnh tranh một cách đáng kể trên thị trường Việt Nam”. Tuy nhiên, có thể thấy quy định này không có tính minh bạch vì khi doanh nghiệp thực hiện hợp nhất, sáp nhập, mua lại, liên doanh... rất khó có thể biết việc tập trung kinh tế có gây tác động hoặc có khả năng gây tác động loại trừ, giảm, sai lệch, cản trở cạnh tranh trên thị trường Việt Nam hay không.

Tại Điều 31 Luật Cạnh tranh năm 2018 đưa ra các quy định liên quan đến căn cứ để đánh giá tác động hạn chế cạnh tranh, xác định sức mạnh thị trường đáng kể, thể hiện nguyên tắc sử dụng tư duy, công cụ kinh tế khi đánh giá sức mạnh thị trường của các tham gia tập trung kinh tế. Tuy nhiên, các căn cứ nêu trên theo Luật Cạnh tranh và Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh cũng vẫn chưa đưa ra các tiêu chí minh bạch, mang tính định lượng (loại trừ quy định về đánh giá thị phần kết hợp của doanh nghiệp áp dụng chỉ số Herfindahl-Hirschman (HHI) trong điều kiện xác định được thị phần).

Điều 33 Luật Cạnh tranh năm 2018 bổ sung quy định các tiêu chí để doanh nghiệp có thể tự xác định giao dịch có thuộc trường hợp phải thông báo hay không, bao gồm: tổng tài sản, tổng doanh thu, giá trị giao dịch tập trung kinh tế và thị phần kết hợp trên thị trường Việt Nam. Theo đó, thông qua việc thay đổi ngưỡng thông báo tập trung kinh tế và thay đổi tiêu chí đánh giá, thẩm định tập trung kinh tế, Luật Cạnh tranh năm 2018 đã mở rộng phạm vi kiểm soát bao gồm cả những giao dịch tập trung kinh tế theo chiều dọc và hỗn hợp thay vì chỉ kiểm soát các giao dịch theo giữa các doanh nghiệp trên cùng thị trường liên quan, căn cứ vào thị phần kết hợp như trước đây. Nếu theo ngưỡng thông báo tập trung kinh tế được đưa ra theo Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh, các doanh nghiệp công nghiệp thường là có tổng tài sản lớn, doanh thu lớn trên thị trường hay căn cứ vào giá trị giao dịch sẽ rất dễ rơi vào các trường hợp phải thông báo tập trung kinh tế. Việc xác định ngưỡng thông báo tập trung kinh tế quá thấp có thể dẫn đến sự quá tải cho cơ quan thực hiện kiểm soát tập trung kinh tế là Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia, đồng thời tạo gánh nặng thủ tục không cần thiết đối với các doanh nghiệp. Khuyến nghị của OECD về Rà soát sáp nhập (2005) phản đối các ngưỡng thị phần như quy định ở nhiều cơ chế thông báo bắt buộc vì sẽ phát sinh rủi ro tuân thủ và lãng phí nỗ lực điều tra.

Có ý kiến cho rằng việc thông báo tập trung kinh tế theo quy định của Luật Cạnh tranh năm 2018 về bản chất là thủ tục xin phép thực hiện, có thể gây chậm trễ cho quá trình tập trung kinh tế, ảnh hưởng tiêu cực đối với doanh nghiệp – đặc biệt là các doanh nghiệp công nghiệp. Cũng cần thấy rằng tại Điều 32 Luật Cạnh tranh năm 2018 quy định về đánh giá tác động tích cực đối với việc tập trung kinh tế, nếu doanh nghiệp trong quá trình thực hiện chính sách công nghiệp có các yếu tố tích cực được đưa ra ở đây có thể được xem xét.

Ngoài ra, thời gian tối thiểu kể từ ngày nộp hồ sơ thông báo tập trung kinh tế đến khi được phép thực hiện việc tập trung kinh tế theo Luật Cạnh tranh 2004 là 52 ngày, còn theo Luật Cạnh tranh 2018 có thể lên đến 127 ngày cũng có thể làm ảnh hưởng đến hoạt động hợp nhất, sáp nhập, mua lại, liên doanh của các doanh nghiệp công nghiệp.

#### 4 KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ LIÊN QUAN

Thứ nhất, khảo sát mối quan hệ giữa chính sách công nghiệp và chính sách cạnh tranh quốc gia cho thấy hiện tại hai cột trụ này của chính sách kinh tế còn được hoạch định riêng rẽ và chưa gắn kết với nhau. Bởi vậy, kiến nghị đưa ra là cần thống nhất có một đầu mối, một cơ quan chịu trách nhiệm (mà hợp lý nhất ở đây sẽ là Bộ Công Thương) hay ít nhất, giữa các cơ quan xây dựng chính sách công nghiệp và chính sách cạnh tranh cần có sự phối hợp để chính sách công nghiệp và chính sách cạnh tranh có sự liên thông, hỗ trợ cho nhau.

Thứ hai, đánh giá các quy định về kiểm soát tập trung kinh tế của Luật Cạnh tranh năm 2018 từ góc độ tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho phát triển công nghiệp có thể thấy các quy định này có hiệu quả thực thi chưa cao và tác động chưa thực sự tích cực. Kiến nghị đưa ra là trong Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh cần có:

Một là: Khái niệm mua lại hay quy định thế nào là đủ để kiểm soát hoặc chi phối. Theo người viết bài này, có thể quy định như sau: “Mua lại doanh nghiệp là việc một doanh nghiệp trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu toàn bộ hoặc một phần vốn góp, tài sản của doanh nghiệp khác đủ để đủ chiếm được trên 51% vốn điều lệ hoặc ở mức mà theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ của doanh nghiệp bị mua lại đủ để chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp bị mua lại nhằm thu lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bị mua lại”.

Hai là: Quy định về các hình thức tập trung kinh tế khác. Theo người viết bài này, có thể quy định như sau: “Các hình thức dẫn đến tập trung sức mạnh thị trường - khả năng chi phối, tác động tới giá cả hàng hóa, dịch vụ trên thị trường mà không làm ảnh hưởng đến thị phần của doanh nghiệp”.



- trọng), hợp lý (dựa vào đâu để đưa ra quy định “giành được quyền sở hữu trên 36% vốn điều lệ của doanh nghiệp bị mua lại” là mua lại?).
12. Xem thêm: Bùi Nguyễn Anh Tuấn, *Phân tích kinh tế về tác động cạnh tranh của vụ việc tập trung kinh tế (M&A)*, Website Cục Cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng, <http://www.vca.gov.vn/NewsDetail.aspx?ID=1288&CateID=1>, Truy cập: 29/3/2019
  13. Theo Điều 28 Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Cạnh tranh, các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật Cạnh tranh phải thông báo cho Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trước khi tiến hành tập trung kinh tế nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Một trong các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế có tổng tài sản trên thị trường Việt Nam từ 1.000 tỷ đồng trở lên theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm tài chính liền kề trước năm thông báo tập trung kinh tế; b) Giá trị giao dịch tập trung kinh tế từ 500 tỷ đồng trở lên; c) Một trong các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế có tổng doanh thu trên thị trường Việt Nam từ 1.000 tỷ đồng trở lên theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm tài chính liền kề trước năm thông báo tập trung kinh tế; d) Thị phần kết hợp của các doanh nghiệp tham gia tập trung kinh tế từ 30% trở lên trên thị trường liên quan trong năm tài chính liền kề trước năm thông báo tập trung kinh tế.
  14. Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), *Đánh giá của OECD về Luật và Chính sách cạnh tranh Việt Nam*, 2018
  15. Dừng tỷ lệ 51% vốn điều lệ cũng là theo cách tiếp cận của Luật Đầu tư năm 2014 khi xác định tổ chức kinh tế phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi đầu tư thành lập tổ chức kinh tế
  16. Đoàn Hiền, *Chính sách phát triển công nghiệp Việt Nam giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2035*, Tạp chí Cộng sản Online
  17. Đinh Thị Mỹ Loan (Chủ biên), *Kiểm soát tập trung kinh tế - Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn tại Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, 2007
  18. Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), *Đánh giá của OECD về Luật và Chính sách cạnh tranh Việt Nam*, 2018
  19. Bộ Công Thương, *Tờ trình Chính phủ về Dự án Luật Cạnh tranh sửa đổi*
  20. Bùi Nguyễn Anh Tuấn, *Phân tích kinh tế về tác động cạnh tranh của vụ việc tập trung kinh tế (M&A)*, Website Cục Cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng
  21. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và đầu tư, *Dự thảo “Đề án tổng thể về chính sách cạnh tranh quốc gia”*, 2017

Ngày nhận bài: 01/04/2019

Ngày chấp nhận đăng: 03/06/2019